TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ……./2025/HNGĐ-ST
Ngày: ……

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

……

……..

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Quí** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:……/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số ……./2024/QĐXXST-HNGĐ ngày …….. tháng ……. năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số ……và Thông báo vee việc mở lại phiên toà số:……, giữa các đương sự:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, Bản tự khai bổ sung Biên bản hoà giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Bảo Trâm trình bày**:

Chị và anh Nguyễn Thanh Tân sống chung với nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/8/2023. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến tháng 08/2024 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do không có tiếng nói chung, anh Tân bạo lực gia đình, xâm phạm quyền riêng tư, hạ thấp danh dự của chị, mẹ chồng đòi xét nghiệm AND con chung. Chị và anh Tân đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Tân.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024. Hiện nay con chung đang sống chung với chị Trâm, nay ly hôn chị

Trâm yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Tân cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung gồm có:

+ 17 chỉ vàng 24k vàng cưới.

+ 07 phân vàng 24k vàng cưới.

+ **12 chỉ vàng nhẫn 9999 24k chị Trâm đang giữ**.

+ **17 chỉ vàng 07 phân vàng 24k anh Tân đang giữ**.

+ 12 chỉ vàng nhẫn 24k 9999 anh Tân đang giữ.

Tất cả số vàng trên được cho trong lể cưới, cho chị Trâm và anh Tân trong lễ cưới.

Nếu anh Tân yêu cầu chia **17 chỉ vàng 07 phân vàng 24k anh Tân đang giữ thì chị Trâm yêu cầu chia 12 chỉ vàng nhẫn 9999 24k chị Trâm đang giữ.**

Chị Trâm trình bày bổ sung: Đối với 02 chỉ vàng nhẫn 9999 24k do anh Tân đã bán nên không tranh chấp 02 chỉ vàng này, hiện nay còn lại 10 chỉ vàng nhẫn 9999 24k anh Tân đang giữ nên yêu cầu chia đôi số vàng.

Tất cả tài sản chung nói trên yêu cầu chia đôi, mỗi người 1/2 .

- Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Thanh Tân trình bày**:

- Về hôn nhân: Anh Tân có đăng ký kết hôn với chị Trâm vào năm 2023, vào khoảng giữa tháng 11/2024 (Dương lịch) anh Tân có tán chị Trâm, từ đó đi làm nên ở lại công ty, ban ngày có về giặt giũ, rửa bình sữa cho con, làm cong việc nhà, anh Tân có nói chuyện với chị Trâm nhưng chị Trâm không trả lời mà nói là ra toà nói chuyện, kể từ đây không ai nói tới ai.

Nay chị Trâm yêu cầu ly hôn thì anh Tân không đồng ý ly hôn do con còn nhỏ, không được sự yêu thương và chăm sóc của ba mẹ, còn thương con nhưng chị Trâm đòi ly hôn nên tình cảm với chị Trâm đã hết.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024. Hiện con chung đang sống chung với chị Trâm, nếu chị Trâm có điều kiện nuôi con thì chị Trâm nuôi, còn chị Trâm không có điều kiện thì giao anh Tân nuôi, không yêu cầu chị Trâm cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: không có.

- **Về tài sản chung**:

+ 17 chỉ vàng 24k và 07 phân vàng 24k là vàng cưới. Anh Tân yêu cầu chia đôi vàng.

Còn đối với số vàng:

+ **12 chỉ vàng nhẫn 9999 24k chị Trâm đang giữ là vàng của gia đình anh Tân cho chị Trâm và anh Tân cho chị Trâm và anh Tân trong ngày đám cưới để chị Trâm và anh Tân làm ăn.**

Trong đó có 10 chỉ vàng nhẫn 9999 24k là của anh ruột anh Tân và em ruột anh Tân cho vợ chồng anh Tân và chị Trâm trong lễ cưới.

Anh hai anh Tân tên Nguyễn Thanh Dững, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp Bình Hoà Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang và em ú tanh Tân tên Nguyễn Thanh Tiến, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp Bình Hoà Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang , anh Dững anh hai anh Tân cho 05 chỉ và em ruột anh Tân là Tiến cho 05 chỉ. Chị Trâm đeo 04 chỉ vàng 24k vàng nhẫn 9999, anh Tân đeo 06 chỉ vàng nhẫn 24k 9999, đeo trong ngày làm đám cưới, anh hai Dững và em út Tiến nói vàng này anh Dững và Tiến mua cho anh Tân để cưới vợ nhưng sau này Dững và Tiến cưới vợ thì anh Tân phải trả lại cho Dững và Tiến.

Còn 02 chỉ vàng nhẫn 24k 9999 anh Tân đã bán nhưng không nhớ thười gian bán, lúc đó bán được khoảng hơn 8.000.000đồng /chỉ bán để lo sinh đẻ, để lo cho con chung. Hiện nay chỉ còn lại 10 chỉ vàng nhẫn 9999 24k mà mẹ anh Tân là bà Phạm Thị Liên, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp Bình Hoà Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đang giữ.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Liên trình bày**:

- Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Thanh Tân, bà xác định hiện nay bà đang giữ 05 chỉ vàng nhẫn 24k 9999 của con trai bà là Dững và 05 chỉ vàng nhẫn 24k 9999 của con trai bà tên Tiến, là vàng cưới anh Dững và anh Tiến đã cho chị Trâm và anh Tân trong ngày đám cưới, cho chị Trâm và anh Tân.

Đối với vàng cưới 20 chỉ 07 phân vàng 24k thì chia đôi, chị Trâm ½ vàng, anh Tân ½ vàng. Vàng này chị Trâm đang giữ.

Đối với 10 chỉ vàng nhẫn 24k 9999 thì không đồng ý chia.

*Người làm chứng anh Nguyễn Thanh Dững trình bày:

+ Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Trâm có đơn xin vắng mặt xét xử.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Trâm có ý kiến:

+ Về hôn nhân: đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị Trâm được ly hôn với anh Tân.

+ Về con chung: đề nghị HĐXX giao con chung cho chị Trâm được chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Trâm yêu cầu anh Tân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung: đề nghị HĐXX chia đôi số vàng cưới gồm:……

……

Chị Trâm ½ vàng cưới, anh Tân ½ vàng cưới.

- Về nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

+ Bị đơn anh Tân trình bày:

- Về hôn nhân: anh Tân đồng ý ly hôn với chị Trâm.

- Về con chung: đồng ý giao cho chị Trâm nuôi dưỡng, anh Tân không cấp dưỡng nuôi con, có nhiêu cho nhiêu.

- Về tài sản chung: yêu cầu chia đôi vàng cưới 20 chỉ 07 phân vàng cưới vàng 24k.

Anh Tân không đồng ý chia 10 chỉ vàng nhẫn 24k 9999.

- Về nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

***Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/12/2024, nguyên đơn chị Trần Thị Bảo Trâm trình bày**:

- Chị Trâm yêu cầu chia đôi số vàng cưới anh Nguyễn Thanh Tân đang quản lý là 10 chỉ vàng nhẫn 9999, chị Trâm yêu cầu nhận 05 chỉ vàng nhẫn 9999, anh Tân nhận 05 chỉ vàng nhẫn 9999.

***Tại đơn phản tố ngày 02/12/2024, bị đơn anh Nguyễn Thanh Tân trình bày**:

- Vào ngày 16/7/2023, anh Tân có mau vàng cưới để cưới vợ là chị Trần Thị Bảo Trâm. Anh mua ở tiệm vàng Ngọc Sơn Khanh ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, số vàng cưới là 20 chỉ 07 phân vàng 24k, vàng này chị Trâm đang giữ.

Khi toà giải quyết vụ ly hôn thì xin toà giải quyết vàng cưới anh Tân cho chị Trâm theo đúng pháp luật về ly hôn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trâm. Về con chung: Giao con chung cho chị Trâm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Tân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung: đề nghị chia đôi số vàng cưới. Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trâm yêu cầu ly hôn với anh Tân và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chia tài sản chung nên xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản" được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trâm có đơn xin vắng mặt xét xử, người làm chứng anh Dững có đơn xin vắng mặt xét xử nên căn cứ Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị Trâm, anh Dững.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Chị Trâm và anh Tân sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/8/2023. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì giữa chị Trâm và anh Tân có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, chị Trâm và anh Tân cũng không còn tình cảm với nhau. Nên nay chị Trâm yêu cầu được ly hôn với anh Tân thì anh Tân cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn này của chị Trâm và anh Tân.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024. Hiện nay con chung đang sống chung với chị Trâm, nay ly hôn chị Trâm yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Tân cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, cấp dưỡng mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ..."*.

Theo chị Trâm và anh Tân đều thống nhất hiện nay con chung đang sống chung với chị Trâm. Hiện nay con chung tên Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024 vẫn còn rất nhỏ, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu Nguyễn Trần Tuệ Nhi nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Nhi cho chị Trâm được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên toà hôm nay, anh Tân cũng đồng ý giao con chung Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024 cho chị Trâm được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nên được ghi nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trâm yêu cầu anh Tân cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện về vật chất để con chung được chăm sóc tốt hơn. Hội đồng xét xử quyết định anh Tân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV (thời điểm giải quyết tương đương 1.725.000 đồng/tháng), thời gian thực hiện tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Tân không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, mà anh cho rằng anh Tân làm công nhân, ở trọ, anh còn phải trả tiền trọ, ăn uống, đi lại nên không đòng ý cấp dưỡng nuôi con chung, có nhiêu thì anh cho con bao nhiêu, tháng nào anh Tân có tiền thì cho, không có thì anh Tân không cho con chứ không đồng ý cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày này của anh Tân là không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[4]. Về nợ chung: Chị Trâm và anh Tân đều thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị Trâm và anh Tân đều thống nhất gồm có vàng cưới chị Trâm và anh Tân được cho trong ngày cưới là:

- 10 chỉ vàng nhẫn 24k 9999.
- 20 chỉ 07 phân vàng 24k 9999.

Khi ly hôn chị Trâm yêu cầu được chia đôi số vàng cưới này, yêu cầu chị Trâm nhận ½, anh Tân nhận 1/2 .

Anh Tân chỉ đồng ý chia đôi số vàng cưới là 20 chỉ 07 phân vàng 24k 9999, chia đôi. Còn số vàng cưới 10 chỉ vàng nhẫn 24k 9999 thì anh Tân không đồng ý chia với lý do là 10 chỉ vàng này là do anh Trai và em trai anh Tân cho chị Trâm và anh Tân trong ngày cưới để làm ăn nhưng sau này nếu anh trai và em trai của anh Tân cưới vợ thì anh Tân phải đi lại mỗi người là 05 chỉ vàng nhẫn 9999 này nên anh Tân không đồng ý chia mà anh Tân giữ lại để sau này anh và em của anh Tân cưới vợ thì anh Tân sẽ đi lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Chị Trâm và anh Tân đều thống nhất số vàng cưới mà chị Trâm và anh Tân được cho trong ngày cưới là:

- 10 chỉ vàng nhẫn 24k 9999.

- 20 chỉ 07 phân vàng 24k 9999.

Do đó Hội đồng xét xử xác định rằng tài sản chung của chị Trâm và anh Tân gồm có: 30 chỉ và 07 phân vàng 9999 24k. Do xác định đây là tài sản chung của chị Trâm và anh Tân nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật xác định cần chia đôi số vàng trên, chị Trâm được nhận ½ là 15 chỉ 3,5 phân vàng 9999 24k.

Anh Tân được nhận ½ là 15 chỉ 3,5 phân vàng 9999 24k.

Hiện nay chị Trâm đang giữ là 20 chỉ 07 phân vàng 24k 9999.

Anh Tân đang giữ 10 chỉ vàng nhẫn 24k 9999.

Được cấn trừ, do chị Trâm đang giữ số vàng nhiều hơn anh Tân nên chị Trâm có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Tân là 05 chỉ 3,5 phân vàng 9999 24k.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: anh Tân nại ra lý do số 10 chỉ vàng cưới 9999 24k là do anh em anh cho chị Trâm và anh Tân trong ngày cưới, nhưng không đồng ý chia với lý do sau này nếu người anh và người em của anh lấy vợ thì anh Tân sẽ đi lại bằng số vàng cưới mà anh em của anh Tân đã đi. Đồng thời hiện nay anh Dũng là anh ruột của anh Tân đang giữ 10 chỉ vàng cưới này. Hội đồng xứt xử nhận thấy rằng: Lời trình bày này của anh Tân là không phù hợp quy định pháp luật, bởi lẻ số vàng cưới này anh Tân cũng đã thừa nhận là vàng mà anh của anh Tân đã cho chị Trâm và anh Tân trong ngày cưới để làm ăn, nên việc anh Tân khai nại ra lý do để sau này an hem anh cưới vợ sẽ trả lại là không phù hợp. Từ những nhận định nên Hội đòng xét xử xác dịnh lý do của anh Tân là không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bảo Trâm.

- Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Bảo Trâm và anh Nguyễn Thanh Tân.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024 cho chị Trần Thị Bảo Trâm được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh Tân có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024 hàng tháng, với mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu theo tháng vùng IV (thời điểm giải quyết tương đương 1.725.000 đồng/tháng).

Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung Nguyễn Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 24/01/2024 đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Thanh Tân có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Chị Trần Thị Bảo Trâm có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Thanh Tân số vàng là 05 chỉ 3,5 phân vàng 9999 24k.

Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Về nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bảo Trâm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 6.723.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trâm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009966 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây và 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Trâm đã nộp theo biên lai thu số 0009989 ngày 02/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị Trâm còn phải nộp tiếp số tiền là 5.723.300 đồng.

Anh Nguyễn Thanh Tân phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 6.723.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Tân đã nộp 3.075.000đồng tạm ứng án phí nên anh Tân còn phải nộp tiếp 3.948.300 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Bảo Trâm và anh Nguyễn Thanh Tân được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Thanh Trinh